

Số: 740 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 06 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại khoản 2, 3, 4, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thực hiện Công văn số 675/VP-CCHC ngày 07/4/2020, Công văn số 699/VP-CCHC ngày 09/4/2020 và xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa theo quy định tại khoản 2, 3, 4, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

1. Danh mục 40 thủ tục hành chính cấp Bộ và 05 thủ tục hành chính cấp huyện được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (kèm theo danh mục).

2. Danh mục 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và 22 thủ tục hành chính cấp tỉnh được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã (*kèm theo danh mục*).

Điều 2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện niêm yết công khai và tổ chức tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa được công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo đúng quy định về công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VIC);
- Cục KSTTHC, VPCP (VIC);
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (VIC);
- Các PVP UBND tỉnh (VIC);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (VIC);
- Lưu: VT, CCHC (Đời/49, VIC). Tr 07/5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP BỘ, CẤP HUYỆN ĐƯỢC
TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM GIẢI
QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH CÀ MAU**



*(Kèm theo Quyết định số 740 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. Danh mục thủ tục hành chính cấp Bộ được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Cơ quan, đơn vị giải quyết liên thông	Địa điểm tiếp nhận, trả kết quả	Ghi chú
I. Lĩnh vực Công chứng					
1.	Bỏ nhiệm công chứng viên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bỏ nhiệm của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định bỏ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối bỏ nhiệm phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bỏ nhiệm.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bỏ nhiệm, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bỏ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bỏ nhiệm; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000112.
2.	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bỏ nhiệm lại của Sở Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tư	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bỏ nhiệm lại công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000100.

		pháp xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ chối bổ nhiệm lại phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do, gửi cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm.	Tư pháp bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại; trường hợp từ chối đề nghị thì phải thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ.		
3.	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên.	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị kèm theo đơn đề nghị miễn nhiệm của công chứng viên gửi Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000075.
II. Lĩnh vực Luật sư					
4.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.	<div>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật luật sư.</div> <div>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành</div>	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000828.



			xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.		
5.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn tập sự hành nghề luật sư	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000688.
6.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm a, b, c, e và k khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật luật sư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư</p>	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000568.

			gửi Bộ Tư pháp.		
7.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm d và đ khoản 1 Điều 18 của Luật luật sư	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.	<p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật luật sư.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.</p>	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000507.
8.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với những trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại các điểm g, h và i khoản 1 Điều 18 của	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư.	<p>- Trường hợp đã được xóa án tích trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật luật sư.</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp kèm theo bản xác nhận người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của</p>	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000547.



	Luật luật sư		Luật luật sư. + Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ và có văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư gửi Bộ Tư pháp.		
III. Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ					
9.	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp Trung ương	Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam phê duyệt, cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định, gửi biên bản thẩm định kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép/bổ sung danh mục hoạt động đo đạc và bản đồ đến Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.	- Địa điểm tiếp nhận: Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Địa điểm trả kết quả: Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000082.
IV. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản					
10.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ	Sau khi hoàn thành việc thẩm định, UBND tỉnh có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định để Thủ tướng Chính phủ quyết định.	39 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Xây dựng: 17 ngày; - Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường: 10 ngày;	Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002643.00 0.00.00.H12.

	quyết định việc đầu tư		- Các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, đơn vị liên quan: 06 ngày; - UBND tỉnh: 06 ngày.		
V. Lĩnh vực Người có công					
11.	Thủ tục cấp bằng Tổ quốc ghi công đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Không quy định ngày.	35 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 30 ngày làm việc; - Văn phòng UBND tỉnh: 05 ngày làm việc.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Công Dịch vụ công quốc gia: 2.001956.
12.	Thủ tục đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm in Bằng, gửi Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ: Không quy định ngày.	40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - UBND cấp xã trong thời hạn 05 ngày, xác nhận vào đơn đề nghị, tổng hợp và lập danh sách gửi phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 05 ngày, có trách nhiệm lập và gửi danh sách đổi hoặc cấp lại Bằng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tiếp nhận Bằng “Tổ quốc ghi công” từ Cục Người có công để chuyển đến gia đình liệt sĩ.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Công Dịch vụ công quốc gia: 1.002143.



đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 30 ngày, có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu hồ sơ liệt sĩ, lập danh sách liệt sĩ có đầy đủ thông tin gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Người có công) kèm công văn đề nghị.

VI. Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng


13.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Sao vàng cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003567.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Địa điểm trả kết quả ¹ : Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003567.
14.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003529.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003529.

¹ Thực hiện theo Công văn số 8941/UBND-CCHC ngày 09/11/2018 và Công văn số 9297/UBND-CCHC ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.


15.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Độc lập cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003493.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003493.
16.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.001413.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.001413.
17.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000050.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000050.
18.	Thủ tục khen thưởng Huân chương	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

	Đại đoàn kết dân tộc	Dịch vụ công quốc gia: 1.000069.			1.000069.
19.	Thủ tục tặng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	★ Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000042.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000042.
20.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000013.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000013.
21.	Thủ tục Phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000022.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000022.
22.	Thủ tục phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001761.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001761.
23.	Thủ tục phong	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên

	tặng, truy tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000783.	nhận đủ hồ sơ.		Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000783.
24.	Thủ tục khen thưởng Huân chương lao động cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001718.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001718.
25.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân về thành tích đột xuất	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001674.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001674.
26.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích đột xuất	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001654.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001654.
27.	Thủ tục khen thưởng Huân chương	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

	Lao động cho tập thể, cá nhân về phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	 Dịch vụ công quốc gia: 1.001634.			1.001634.
28.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Chiến công cho tập thể, cá nhân có thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001618.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001618.
29.	Thủ tục tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001593.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001593.
30.	Thủ tục tặng thưởng Băng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích thi đua theo đợt hoặc	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000739.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000739.

	chuyên đề				
31.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Sao vàng cho cá nhân có quá trình cống hiến	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000730.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000730.
32.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hò Chí Minh cho cá nhân có quá trình cống hiến	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000727.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000727.
33.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Độc lập cho cá nhân có quá trình cống hiến	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000719.	Sở Nội vụ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000719.
34.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho cá nhân có quá trình cống hiến	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000714.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000714.

35.	 <p>Thủ tục khen thưởng Huân chương Lao động cho tập thể, cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài</p>	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000710.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000710.
36.	Thủ tục khen thưởng Huân chương Hữu nghị cho tập thể, cá nhân người nước ngoài	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000706.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000706.
37.	Thủ tục khen thưởng Huy chương Hữu nghị cho cá nhân người nước ngoài	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000276.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000276.
38.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho gia đình	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000703.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000703.

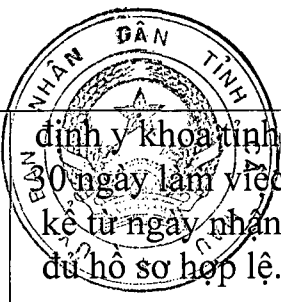
39.	Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho tập thể, cá nhân người nước ngoài	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000700.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000700.
40.	Thủ tục tặng thưởng Huân chương Dũng cảm	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết như thời hạn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000612.	Sở Nội vụ: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	-nt-	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.000612.



II. Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Cơ quan, đơn vị giải quyết liên thông	Địa điểm tiếp nhận, trả kết quả	Ghi chú
I. Lĩnh vực Giám định y khoa					
1.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật	Hội đồng Giám định y khoa tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - UBND cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội): 02 ngày làm việc.	- Bộ phận Một cửa cấp xã; - Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000281.00 0.00.00.H12.
2.	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	Hội đồng Giám định y khoa tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - UBND cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội): 02 ngày làm việc.	- Bộ phận Một cửa cấp xã; - Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000278.00 0.00.00.H12.
3.	Khám	Hội đồng Giám	- UBND cấp xã: 03	- Bộ phận	Mã hồ sơ,

	giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật	định y khoa tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	ngày làm việc. - UBND cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội): 02 ngày làm việc.	Một cửa cấp xã; - Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	thủ tục trên Công Dịch vụ công quốc gia: 1.000276.00 0.00.00.H12.
4.	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác	Hội đồng Giám định y khoa tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - UBND cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội): 02 ngày làm việc.	- Bộ phận Một cửa cấp xã; - Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.	Mã hồ sơ, thủ tục trên Công Dịch vụ công quốc gia: 1.000272.00 0.00.00.H12.
5.	Khám	Hội đồng Giám	- UBND cấp xã: 03	- Bộ phận	Mã hồ sơ,



<p>giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác</p>	<p>định y khoa tỉnh: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>ngày làm việc. - UBND cấp huyện (Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội): 02 ngày làm việc.</p>	<p>Một cửa cấp xã; - Bộ phận Một cửa cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.</p>	<p>thủ tục trên Công Dịch vụ công quốc gia: 1.000269.00 0.00.00.H12.</p>
--	---	--	---	--

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN,
GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN,
BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

(Kèm theo Quyết định số 740 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

I. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện (quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)


Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Cơ quan, đơn vị giải quyết liên thông	Địa điểm tiếp nhận, trả kết quả	Ghi chú
I.	Lĩnh vực Văn hoá cơ sở				
1.	Thủ tục công nhận lại Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: 02 ngày làm việc; - Chủ tịch UBND tỉnh: 02 ngày làm việc.	Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” cấp huyện, UBND huyện, thành phố: 04 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.004659.00 0.00.00.H12
II.	Lĩnh vực Người có công				
2.	Thủ tục lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, lập Sổ quản lý, Sổ theo dõi của từng đối tượng và chuyển về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Trung tâm để phát cho đối tượng trong thời hạn 11 ngày.	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Trung tâm lập danh sách cấp Sổ theo dõi (mẫu số 05-CSSK) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 07 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003042.00 0.00.00.H12

II. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã (quy định tại khoản 4, Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Cơ quan, đơn vị giải quyết liên thông	Địa điểm tiếp nhận, trả kết quả	Ghi chú
I. Lĩnh vực Dân tộc					
1.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Dân tộc tỉnh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp huyện. - Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Ban Dân tộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã): 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các cấp, khóm. - UBND các huyện, thành phố Cà Mau (UBND cấp huyện): 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa, UBND cấp xã; - Bộ phận Một cửa, UBND cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Ban Dân tộc tỉnh. 	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.004875.00 0.00.00.H12.
2.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> - Ban Dân tộc tỉnh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp huyện. - Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Ban Dân tộc tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã, phường, thị trấn: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các cấp, khóm. - UBND các huyện, thành phố Cà Mau: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của UBND cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Một cửa, UBND cấp xã; - Bộ phận Một cửa, UBND cấp huyện; - Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; - Ban Dân tộc tỉnh. 	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.004888.00 0.00.00.H12.

II. Lĩnh vực Người có công					
3.	Thủ tục hỗ trợ, di chuyển hải cốt liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 02 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 01 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 03 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003159.00 0.00.00.H12.
4.	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 19 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 17 ngày làm việc. - UBND cấp huyện: 09 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002741.00 0.00.00.H12.
5.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 05 ngày làm việc. - UBND cấp huyện: 05 ngày làm việc. - Sở Nội vụ: 07 ngày làm việc. - Văn phòng UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 2.001157.00 0.00.00.H12.
6.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 05 ngày làm việc. - UBND cấp huyện: 05 ngày	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia:

	đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		làm việc. - Sở Nội vụ: 07 ngày làm việc. - Văn phòng UBND tỉnh: 03 ngày làm việc.		2.001396.00 0.00.00.H12.
7.	Thủ tục giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 10 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 05 ngày làm việc. - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 07 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.001257.00 0.00.00.H12.
8.	Hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày.	- UBND cấp xã: 03 ngày. - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 08 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.005387.00 0.00.00.H12.

	<div>được tặng huân chương, huy chương, chet trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi</div> <div></div>				
9.	Thủ tục Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 04 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 08 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002252.00 0.00.00.H12.
10.	Thủ tục Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công từ trần	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 3,5 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002271.00 0.00.00.H12.
11.	Thủ tục giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002305.00 0.00.00.H12.
12.	Thủ tục Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002363.00 0.00.00.H12.

13.	Thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 14 ngày.	- UBND cấp xã: 3,5 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 6,5 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002429.00 0.00.00.H12.
14.	Thủ tục Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày.	- UBND cấp xã: 03 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 08 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002440.00 0.00.00.H12.
15.	Thủ tục Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày.	- UBND cấp xã: 03 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 08 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003423.00 0.00.00.H12.
16.	Thủ tục Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 14 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 03 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.006779.00 0.00.00.H12.
17.	Thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 09 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 3,5 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002519.00 0.00.00.H12.
18.	Thủ tục Mua bảo hiểm y tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã	- UBND cấp xã: 03 ngày.	Bộ phận Một cửa	Mã hồ sơ, thủ tục trên



	đối với người có công và thân nhân		- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 ngày.	cấp xã	Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002738.00 0.00.00.H12.
19.	Thủ tục Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra và bổ sung thông tin trong hồ sơ liệt sĩ theo quy định.	- UBND cấp xã: 03 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 06 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002745.00 0.00.00.H12.
20.	Thủ tục Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 04 ngày làm việc.	- UBND cấp xã: 05 ngày làm việc. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 3,5 ngày làm việc.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003057.00 0.00.00.H12.
21.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 19 ngày.	- UBND cấp xã: 07 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 ngày. - Sở Y tế: 10 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.002410.00 0.00.00.H12.
22.	Thủ tục giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 19 ngày.	- UBND cấp xã: 5,5 ngày. - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 5,5 ngày. - Sở Y tế: 10 ngày.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Mã hồ sơ, thủ tục trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.003351.00 0.00.00.H12.